

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA HỒNG LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA HỒNG LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA HONG LAND GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TẬP ĐOÀN HOA HỒNG LAND

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110302370

**3. Ngày thành lập:** 29/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Số 3 đường Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 085 678 0868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động báo chí)  | 8230     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                 | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                   | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật.</p> <p>Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử.</p> <p>Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin.</p> <p>Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu.</p> <p>Đào tạo công nghệ thông tin</p> <p>Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin;</p> <p>Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm;</p> <p>Dịch vụ tư vấn xây dựng dự án phần mềm;</p> <p>Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm</p> <p>Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm</p> <p>Dịch vụ tích hợp hệ thống;</p> <p>Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;</p> <p>Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm</p> | 6209        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 10. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312        |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6399        |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(trừ hoạt động tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6820(Chính) |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát xây dựng<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Tư vấn giám sát thi công xây dựng<br>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Kiểm định xây dựng                                       | 7110 |
| 17. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                         | 7320 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 20. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                               | 4921 |
| 21. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                      | 4922 |
| 22. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                     | 4929 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                | 4931 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                 | 4932 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                       | 5225 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)<br>Chi tiết:<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>Đại lý dịch vụ viễn thông<br>Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông<br>Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động<br>Dịch vụ thương mại điện tử<br>Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, dịch vụ chứng thư số | 6190 |
| 31. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912 |
| 33. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                      | 7990 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101 |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN BẤT<br>ĐỘNG SẢN<br>HOA HỒNG<br>LAND | Số 125-127,<br>đường Thịnh<br>Lang, tổ 3,<br>Phường Thịnh<br>Lang, Thành phố<br>Hòa Bình, Tỉnh<br>Hòa Bình, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 160.000       | 1.600.000.000            | 80,000       | 5400535714                                                                                                             |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Tổng số                            | 160.000       | 1.600.000.000            | 80,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ BÌNH<br>LONG                                        | Thôn Trại Bến,<br>Xã Yên Trị,<br>Huyện ý Yên,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam                                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        | 0360840122<br>71                                                                                                       |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                         | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                     |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | BÙI VĂN HÙNG        | Thôn Lập Trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông         | 4.000  | 40.000.000  | 2,000  | 0010880353<br>16 |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Tổng số                   | 4.000  | 40.000.000  | 2,000  |                  |
| 4 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG | Số nhà 57 ngõ 39 Đặng Vũ Hỷ, Tổ 21, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 6.000  | 60.000.000  | 3,000  | 0011810242<br>24 |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Tổng số                   | 6.000  | 60.000.000  | 3,000  |                  |
| 5 | BÙI XUÂN HUÂN       | Thôn Đình Xây, Xã Báo Đáp, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 0150850098<br>70 |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                     | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088035316

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lập Trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lập Trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội